TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 63/2019/QĐ-PT	*Đà Nẵng, ngày 21 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào
Ông Nguyễn Cường

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 01/2019/ QĐST-HC ngày 04 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính"* giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Phan Thị O; địa chỉ: thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương H; trú tại: thành phố B (Văn bản ủy quyền ngày 21/6/2018).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn Đ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố K (Văn bản ủy quyền số 2105/GUQ-CTUBND ngày 14/9/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Anh T; 3.2. Chị Nguyễn Thị H; 3.3. Anh Nguyễn Anh D; 3.4. Anh Nguyễn Anh Đ

Cùng trú tại: thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương H; trú tại: thành phố B (Văn bản ủy ngày 10/9/2018, 11/9/2018).

Tại đơn kháng cáo ngày 15/01/2019, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phan Thị O là ông Trương H kháng cáo toàn bộ nội dung Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2019/QĐST-HC ngày

04/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum với lý do: Năm 1007, gia đình bà Phan Thị O khai hoang sử dụng diện tích 49.350 m^2 đất hoang hóa sinh lầy; ngày 19/10/1998, gia đình bà O đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số 00919/QSDĐ/121-1998-QĐ-UB (TX). Ngày 06/6/2018, gia đình bà O được mời đến xã I để vận động thuê đất của gia đình đang canh tác với lý do là đất 5% của Ủy ban nhân dân xã I do cấp sai và đã có Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003 của Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã K (nay là thành phố K) thu hồi GCNQSD đất nêu trên của gia đình bà O. Ông Trương H cho rằng bà O không nhận được bản gốc Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003 của UBND thị xã K vì không được tống đạt và chính thức là ngày 06/6/2018 bà O mới biết Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003 của UBND thị xã K. Do đó, tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2019/QĐST-HC ngày 04/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính là trái pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Ngày 18/8/2003, UBND thị xã K (nay là thành phố K) ban hành Quyết định số 139/QĐ-UB "Về việc thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" (sau đây viết tắt là Quyết định số 139/QĐ-UB). Tại mục 2 Điều 1 của Quyết định số 139/QĐ-UB này có nội dung: Thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Phan Thị O với lý do thu hồi là "Giấy CNQSD đất số 00919 QSDĐ/121-1998-QĐ-UB(TX) cấp ngày 19/10/1998 do xét duyệt sai". Người khởi kiện là bà Phan Thị O và người đại diện hợp pháp của bà O cho rằng bà O không được tống đạt chính thức Quyết định số 139/QĐ-UB và chính thức là ngày 06/6/2018 bà O mới biết Quyết định số 139/QĐ-UB.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp cho Tòa án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/8/2003 đến trước ngày 05/8/2011, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bà O đã nhận được Quyết định số 139/QĐ-UB cũng như việc bà O có khiếu kiện Quyết định số 139/QĐ-UB.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/8/2011 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố K thể hiện bà Phan Thị O giao nộp GCNQSD đất số N 351607, số vào sổ 00919/QSDĐ/121-1998-QĐ-UB (TX) cấp vào ngày 19/10/1998 và bà O cùng các gia đình bị thu hồi GCNQSD đất có ý kiến: *"Cho các gia đình xem lại Quyết định thu hồi số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003"*;

Ngày 10/8/2011, bà Phan Thị O làm "Đơn đề nghị" gửi UBND thành phố K và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố K với nội dung: *"... Đến năm 2003 chẳng hiểu lý do gì UBND thị xã ra quyết định thu hồi đất của gia đình tôi"*.

Ngày 26/8/2013, UBND tỉnh Kon Tum có Công văn số 1781/UBND-NC gửi cho bà Phan Thị O (và bà Nghiêm Thị T, bà Đặng Thị C) với nội dung đã nhận được đơn khiếu nại của các bà có nội dung*: "Khiếu nại việc UBND thị xã K trước đây ban hành Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 18/8/2003 về việc thu hồi, hủy*

bỏ 03 Giấy CNQSD đất đã cấp cho các hộ...”. Tại văn bản này đã hướng dẫn cho các bà Nguyễn Thị T, Phan Thị O, Đặng Thị C: *“gửi đơn đến Chủ tịch UBND thành phố K để được xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại”*.

Tại Đơn khiếu nại đề ngày 18/12/2013, bà O cùng bà T, bà C gửi Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Kon Tum khiếu nại về việc: “*UBND thị xã K ra Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 18/8/2003 thu hồi, hủy bỏ 03 Giấy CNQSD đất đã cấp cho gia đình chúng tôi; và Công văn số 2123/UBND-NC ngày 01/12/2011 của UBND tỉnh Kon Tum về việc xử lý việc cấp GCNQSD đất đối với 03 hộ gia đình chúng tôi...”*. Tại Công văn số 89/UBND-NC ngày 10/01/2014, UBND tỉnh Kon Tum đã chuyển trả đơn và trả lời: *“Nội dung khiếu nại của bà Nghiêm Thị T, bà Phan Thị O và bà Đặng Thị C trùng lắp với nội dung đơn trước đây và đã được UBND tỉnh trả lời cụ thể tại Công văn số 1781/UBND-NC ngày 26/8/2013. Đề nghị các bà thực hiện Công văn số 1781/UBND-NC ngày 26/8/2013 nêu trên của UBND tỉnh”*.

Ngày 17/11/2017, các bà Nghiêm Thị T, Phan Thị O, Đặng Thị C tiếp tục làm “Đơn khiếu nại” gửi: Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Thanh tra tỉnh và Ban Nội chính Tỉnh ủy tỉnh Kon Tum. Tại “Đơn khiếu nại” này, các bà có trình bày cụ thể nội dung và đưa ra các căn cứ cho rằng Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003 của UBND thị xã K là trái pháp luật.

Tại Biên bản làm việc “Về việc vận động lần cuối đối với 03 hộ: Bà Đặng Thị C, bà Phan Thị O, bà Nghiêm Thị T ký hợp đồng thuê đất” ngày 06/6/2018 giữa Chủ tịch UBND thành phố K, đại diện Thanh tra thành phố, đại diện UBND xã I, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã I, đại diện Ban nhân dân thôn Klâu Ngó và các hộ dân liên quan là các bà Nghiêm Thị T, Phan Thị O, Đặng Thị C thể hiện nội dung: (1) ông Hoàng Đình X - Phó Chánh Thanh tra thành phố K xác định việc giao đất cho 03 hộ bà H1, bà O, bà T là không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng..., UBND thị xã K đã ban hành Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003 về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất, đồng thời đã xử lý kỷ luật kiểm điểm cán bộ vi phạm trong việc tham mưu cấp GCNQSD đất; (2) các thành viên tham dự cuộc họp đã vận động 03 hộ ký hợp đồng thuê đất với UBND xã; (3) 03 hộ dân có ý kiến: *“Chưa nhất trí hợp đồng thuê đất, gia đình chúng tôi đã được cấp GCNQSD đất và đang sử dụng ổn định không có tranh chấp, chúng tôi đã bồi thường cho các gia đình ổn thỏa và xã chứng minh cho chúng tôi đất % thì HĐND khóa mấy, năm nào, Quyết định số bao nhiêu, cơ quan nào có thẩm quyền phê duyệt đất chúng toi là đất phần trăm xã. Chúng tôi không đồng ý thuê đất sản xuất, hiện tại bìa đỏ chính quyền đang thu giữ của chúng tôi đề nghị chính quyền trả lại cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ làm đơn khởi kiện lên cấp trên”*.

Tại Văn bản số 2759/UBND-NC ngày 16/11/2018 “V/v cung cấp hồ sơ liên quan đến vụ việc khởi kiện quyết định hành chính”, UBND thành phố K trình bày: *“Tại thời điểm năm 2011, bà Phan Thị O đã biết được nội dung của Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003 của UBND thị xã K, nên ngày 10/8/2011 bà Phan Thị O có đơn đề nghị UBND thành phố giải quyết một số vấn đề có liên quan đến việc thu hồi GCNQSD đất của hộ gia đình tại xã I hiện đã trồng cà phê và cao su...”*;

đồng thời đã xác định đến thời điểm hiện nay, UBND thành phố đã nhận được 01 đơn khiếu nại đề ngày 17/11/2017 do 03 bà Nguyễn Thị H, Nghiêm Thị T, Phan Thị O đứng tên với nội dung: Khiếu nại việc UBND tỉnh hủy bỏ việc thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 19/10/1998 đối với bà Hà Thị M, nhưng không công nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị O, Nguyễn Thị H, Nghiêm Thị T. Tuy nhiên đơn này không có địa chỉ của người khiếu nại và do nhiều người ký, nên không đủ điều kiện để thụ lý.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại Điều 116 và Điều 143 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính được quy định như sau:

*"**Điều 116. Thời hiệu khởi kiện***

1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính;...

3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại".

*"**Điều 143. Đình chỉ giải quyết vụ án***

1. Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây:

... g) Thời hiệu khởi kiện đã hết;..."

[3.2] Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ tại mục [2] nêu trên thì:

- Bà Phan Thị O đã biết được Quyết định số 139/QĐ-UB ngày 18/8/2003 của UBND thị xã K vào trước ngày 05/8/2011, vì vào ngày 05/8/2011 bà O cùng bà T, bà H1, bà M đã đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố K để giao nộp lại GCNQSD đất; khi giao nộp thì bà O cùng 03 bà nêu trên có yêu cầu cho các bà xem lại Quyết định số 139/QĐ-UB.

- Ngày 10/8/2011, bà Phan Thị O làm "Đơn đề nghị" gửi UBND thành phố K và Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố K với nội dung yêu cầu xem xét việc năm 2003 UBND thị xã ra quyết định thu hồi đất của gia đình bà. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này cho đến trước ngày 26/8/2013 các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc UBND thành phố K đã thụ lý, giải quyết "Đơn đề nghị" đề ngày 10/8/2011 của bà O.

- Tại Công văn số 1781/UBND-NC ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh Kon Tum thể hiện đã nhận được đơn khiếu nại của bà Phan Thị O (và bà Nghiêm Thị T, bà Đặng Thị C) với nội dung khiếu nại Quyết định số 139/QĐ-UB. Tại Công văn này không có nội dung giải quyết khiếu nại mà có nội dung hướng dẫn người làm đơn gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố K để được xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Tuy nhiên sau đó bà O không gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố K theo hướng dẫn tại Công văn số 1781/UBND-NC nêu trên mà tiếp tục cùng bà T, bà C làm Đơn khiếu nại (đề ngày 18/12/2013) gửi lãnh đạo tỉnh Kon Tum (BL.59-62). Tại Công văn số 89/UBND-NC ngày 10/01/2014, UBND tỉnh Kon Tum đã chuyển trả đơn và đề nghị các bà thực hiện Công văn số 1781/UBND-NC nêu trên của UBND tỉnh.

- Tại Công văn số 2759/UBND-NC ngày 16/11/2018 "V/v cung cấp hồ sơ liên quan đến vụ việc khởi kiện quyết định hành chính", UBND thành phố K đã xác định: Đến thời điểm hiện nay, UBND thành phố đã nhận được 01 đơn khiếu nại đề ngày 17/11/2017 do 03 bà Nguyễn Thị H, Nghiêm Thị T, Phan Thị O đứng tên với nội dung: Khiếu nại việc UBND tỉnh hủy bỏ việc thu hồi Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 19/10/1998 đối với bà Hà Thị M, nhưng không công nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị O, Nguyễn Thị H, Nghiêm Thị T. Tuy nhiên đơn này không có địa chỉ của người khiếu nại và do nhiều người ký, nên không đủ điều kiện để thụ lý.

[3.3] Trên cơ sở quy định của pháp luật và các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Sau khi biết được Quyết định số 139/QĐ-UB, bà O có làm đơn khiếu nại đối với Quyết định này; tuy nhiên, việc khiếu nại của bà O là không đúng quy định của Luật Đất đai và Luật Khiếu nại nên không được cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật Tố tụng Hành chính, xác định thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định số 139/QĐ-UB đã hết và quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là đúng pháp luật. Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện kháng cáo nhưng các tài liệu, chứng cứ đưa ra và nội dung trình bày để chứng minh cho việc kháng cáo là không có căn cứ và hợp pháp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên họp, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật Tố tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 01/2019/

QĐST-HC ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Thị O (do ông Trương H làm đại diện theo ủy quyền) phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000957 ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.